

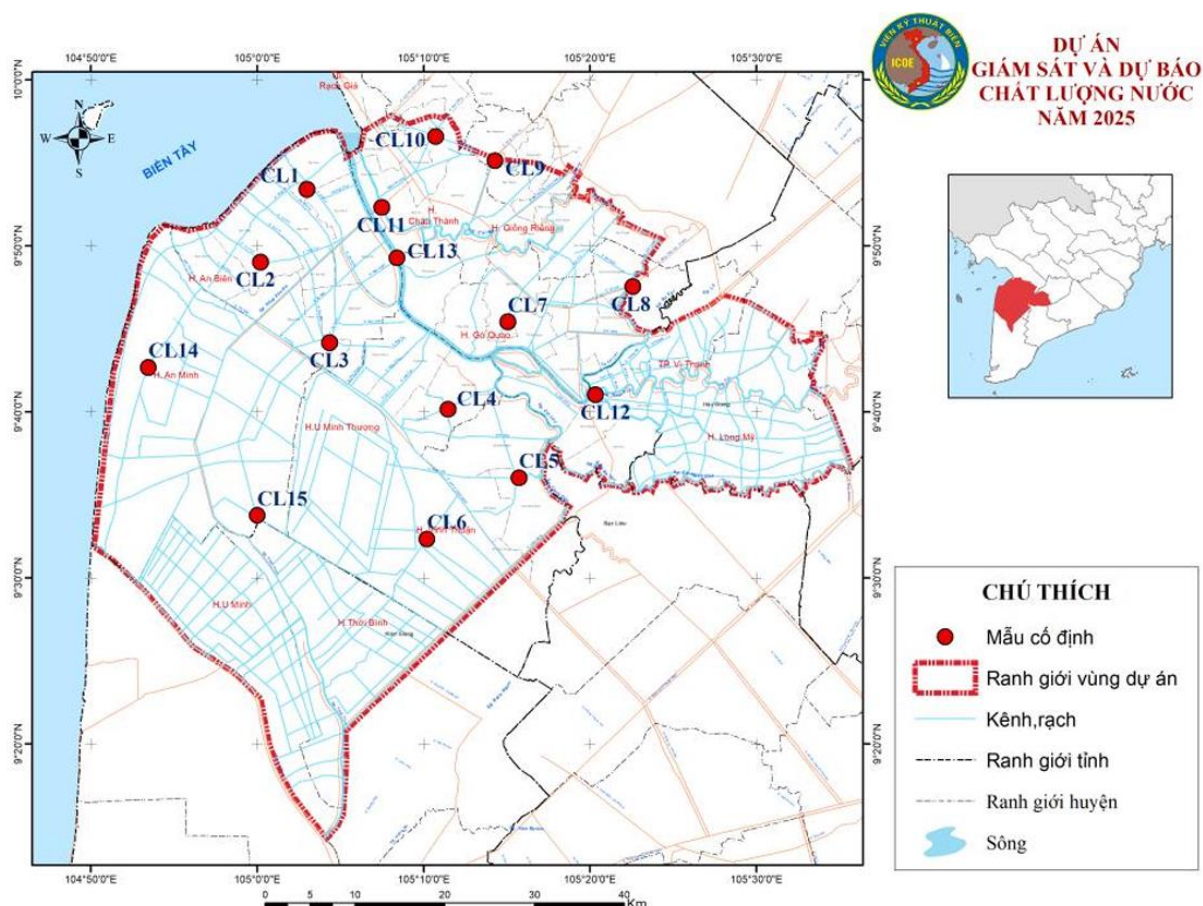
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2025

BẢN TIN THÁNG

*“Bản tin dự báo diễn biến chất lượng nước trên Hệ thống công trình thủy lợi
Cái Lớn-Cái Bé tháng 6/2025”*

1. Vị trí dự báo chất lượng nước

Vị trí các vị trí quan trắc chất lượng nước được đặt tại các điểm gần cống phía nội đồng hoặc các điểm giao thoa giữa các kênh nhằm đánh giá chính xác và dự báo mức độ ô nhiễm nguồn nước khi vận hành hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé, phù hợp với yêu cầu sản xuất thực tế của địa phương. Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong Hình 1 và Bảng 2 tại Phụ lục.



Hình 1. Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước trong HTCTTL CLCB 2025

2. Dự báo diễn biến chất lượng nước tháng 6/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: Độ mặn, DO, BOD₅, T-N từ ngày 01/06/2025 đến 30/06/2025 được thể hiện như Bảng 1.

Bảng 1. Giá trị dự báo lớn nhất, trung bình, nhỏ nhất các chỉ tiêu DO, BOD₅, Tổng N và Độ mặn tháng 6/2025 trong HTTL CLCB

Ký hiệu	Độ mặn (‰)			DO (mgO ₂ /l)			BOD ₅ (mgO ₂ /l)			T-N (mg/l)		
	Min	TB	Max	Min	TB	Max	Min	TB	Max	Min	TB	Max
CL1	7,26	8,76	10,23	4,66	4,91	5,15	8,17	8,40	8,68	0,71	0,91	1,11
CL2	11,69	14,32	16,07	5,81	5,95	6,30	11,43	11,73	12,31	0,88	1,09	1,42
CL3	6,53	8,02	9,34	5,16	5,46	5,66	11,29	13,27	17,12	0,60	1,79	3,04
CL4	3,21	5,27	6,61	5,41	5,54	5,65	14,02	17,87	21,91	4,21	4,79	5,24
CL5	9,02	10,88	11,82	5,30	5,51	5,64	8,28	8,49	8,91	2,98	3,67	4,53
CL6	18,42	19,01	19,66	5,61	5,76	5,87	14,65	16,03	18,06	1,94	2,35	2,75
CL7	0,25	0,33	0,43	3,64	4,14	4,49	7,94	8,11	8,19	1,70	2,52	3,20
CL8	0,01	0,11	0,21	5,86	5,88	5,94	11,17	12,02	12,83	2,11	2,48	2,88
CL9	0,01	0,11	0,21	5,60	5,87	6,02	12,30	14,24	16,61	3,13	3,76	4,54
CL10	0,01	0,11	0,20	4,37	4,65	4,88	11,63	12,01	12,55	1,48	2,11	2,73
CL11	0,40	0,52	0,66	4,35	4,80	5,16	15,56	17,34	19,05	4,22	4,68	5,67
CL12	0,02	0,10	0,19	5,24	5,53	5,67	7,71	7,86	8,94	1,68	2,23	2,86

CL13	3,79	5,23	7,38	5,13	5,36	5,59	13,85	15,01	16,28	2,02	3,72	4,52
CL14	18,65	20,26	21,81	5,67	5,86	5,96	9,52	9,82	10,13	2,19	2,44	2,72
CL15	20,22	22,46	23,95	5,64	5,97	5,99	9,90	10,15	10,59	1,05	1,36	1,76
Ranh mặt	< 1	1÷ 4	> 4	QCVN 08:2023 (Bảng 2)			QCVN 08:2023 (Bảng 2)			QCVN 08:2023 (Bảng 2)		
				Đạt Mức: A ≥ 6			Đạt Mức A: ≤ 4			Đạt Mức A: ≤ 0,6		
				Đạt Mức: B ≥ 5			Đạt Mức B: ≤ 6			Đạt Mức B: ≤ 1,5		
				Không đạt Mức: B < 5			Không đạt Mức B: > 6			Không đạt Mức B: > 1,5		

2.1. Độ mặn

Giá trị độ mặn dự báo trong tháng 6/2025 tại 15 vị trí thuộc HTTL CLCB có biên độ dao động lớn, từ mức thấp nhất là 0,01‰ (giá trị nhỏ nhất tại các vị trí CL8, CL9, CL10) đến mức cao nhất là 23,95‰ (giá trị lớn nhất tại vị trí CL15). Dựa trên giá trị trung bình trong tháng: các vị trí có độ mặn trung bình dưới 1‰ bao gồm CL7 (0,33‰), CL8 (0,11‰), CL9 (0,11‰), CL10 (0,11‰), CL11 (0,52‰) và CL12 (0,10‰). Phần lớn các vị trí còn lại đều có độ mặn trung bình dự báo vượt quá 4‰. Độ mặn dự báo tương đối cao tại các vị trí nằm trong vùng chuyên tôm, cụ thể là CL2 (TB 14,32‰), CL6 (TB 19,01‰), CL14 (TB 20,26‰) và CL15 (TB 22,46‰). Tại những điểm này, việc lấy nước cần cân nhắc biện pháp pha loãng để đạt độ mặn phù hợp.

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị dự báo DO trong tháng 6/2025 tương đối ổn định, dao động từ 3,64 mgO₂/l (min tại CL7) đến 6,30 mgO₂/l (max tại CL2). So sánh với QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B ≥ 5): các vị trí có hàm lượng DO trung bình đạt Mức B (≥ 5 mgO₂/l) bao gồm CL2, CL3, CL4, CL5, CL6, CL8, CL9, CL12, CL13, CL14, CL15. Các vị trí có hàm lượng DO trung bình dưới Mức B (< 5 mgO₂/l) bao gồm CL1, CL7, CL10, CL11. Tại các điểm có hàm lượng DO dự báo khá thấp ở một số thời điểm, cần chú ý bổ sung DO bằng các biện pháp sục khí khi lấy nước vào các ao tôm.

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Kết quả dự báo cho thấy, hàm lượng BOD₅ trong tháng 6/2025 dao động từ 7,71 mgO₂/l (Min tại CL12) đến 21,91 mgO₂/l (Max tại CL4). So sánh với giới hạn Mức B của QCVN 08:2023/BTNMT (≤ 6 mgO₂/l): tất cả các giá trị BOD₅ nhỏ nhất dự báo tại tất cả 15 trạm (Min dao động từ 7,72 đến 15,56 mgO₂/l) đều vượt quá giới hạn Mức B. Điều này chỉ ra rằng nguồn nước tại hầu hết các vị trí quan trắc được dự báo tình trạng ô nhiễm hữu cơ ở mức cao trong suốt tháng 6, không đạt quy chuẩn Mức B. Giá trị BOD₅ trung bình dự báo đạt mức cao tại nhiều vị trí, dao động từ 7,86 mgO₂/l (TB CL12) đến 17,87 mgO₂/l (CL4).

2.4. Tổng Nitơ (T-N)

Kết quả dự báo Tổng N tháng 6/2025 dao động từ 0,60 mg/l (Min tại CL3) đến 5,67 mg/l (Max tại CL11). So sánh với giới hạn Mức B của QCVN 08:2023/BTNMT ($\leq 1,5$ mg/l): phần lớn các vị trí quan trắc được dự báo có giá trị Tổng Nitơ trung bình vượt giới hạn Mức B. Chỉ có hai vị trí dự báo đạt Mức B dựa trên giá trị trung bình: CL1 (0,91 mg/l) và CL2 (1,09 mg/l). Các vị trí có giá trị T-N trung bình dự báo cao nhất bao gồm CL4 (5,24 mg/l), CL9 (4,54 mg/l), CL11 (5,67 mg/l), CL5 (4,53 mg/l) và CL13 (4,52 mg/l).

3. Kết luận

Kết quả dự báo các chỉ tiêu chất lượng nước trong tháng 6/2025 trên Hệ thống CTTL Cái Lớn-Cái Bé cho thấy vấn đề ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm dinh dưỡng (thể hiện qua chỉ tiêu BOD₅ và T-N) cần được tiếp tục theo dõi, với hầu hết các vị trí giám sát được dự báo không đạt quy chuẩn Mức B của QCVN 08:2023. Hàm lượng DO tương đối ổn định ở mức tốt ở phần lớn khu vực, nhưng vẫn có nguy cơ thiếu oxy tại một số điểm. Độ mặn phân hóa rõ rệt theo không gian, phù hợp với đặc điểm sinh thái và mục đích sử dụng nước khác nhau. Dựa trên kết quả dự báo này, cần có những biện pháp chủ động để giảm thiểu tác động của nguồn nước ô nhiễm đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Các cơ quan quản lý và người dân cần lưu ý:

- ✓ Đối với các khu vực có hàm lượng BOD₅ và T-N cao, cần cân nhắc biện pháp xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi tôm hoặc sử dụng cho sản xuất nông nghiệp;
- ✓ Tại các điểm dự báo có DO thấp vào một số thời điểm, khuyến nghị áp dụng các biện pháp sục khí hoặc tăng cường lưu thông nước khi lấy nước vào ao/ruộng để đảm bảo đủ oxy hòa tan cho sinh vật nuôi;
- ✓ Đối với các vùng chuyên tôm có độ mặn cao, cần lưu ý pha loãng nước để đạt độ mặn tối ưu cho từng giai đoạn phát triển của loài nuôi;
- ✓ Theo dõi các bản tin dự báo chất lượng nước tiếp theo được cập nhật liên tục trên các kênh thông tin chính thống như Website Viện Kỹ thuật Biển (<http://www.icoe.org.vn/>) và trang Webgis Cục Thủy lợi (<https://chatluongnuoc.cucthuyloi.gov.vn>).

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, Chi cục TL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
Phạm Văn Tùng

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 6/2025

1. Kết quả dự báo diễn biến độ mặn (‰) trong tháng 6/2025

Ngày	CL1	CL2	CL3	CL4	CL5	CL6	CL7	CL8	CL9	CL10	CL11	CL12	CL13	CL14	CL15
01/06/2025	9,70	13,26	9,27	6,18	10,63	18,47	0,36	0,04	0,14	0,10	0,58	0,07	4,63	20,56	22,69
02/06/2025	8,84	12,44	9,34	4,97	10,07	18,56	0,38	0,01	0,08	0,01	0,54	0,08	4,21	20,40	22,08
03/06/2025	9,19	11,69	9,20	4,62	11,82	18,65	0,39	0,18	0,20	0,01	0,50	0,05	3,90	20,63	21,02
04/06/2025	9,76	12,03	8,92	4,29	10,31	18,72	0,41	0,06	0,04	0,11	0,46	0,17	3,79	21,12	20,22
05/06/2025	10,23	13,10	8,64	3,92	10,77	18,77	0,42	0,05	0,21	0,04	0,40	0,06	3,85	21,60	21,96
06/06/2025	10,07	13,64	8,46	3,52	10,96	18,82	0,43	0,15	0,09	0,16	0,40	0,08	4,00	21,81	22,13
07/06/2025	9,55	14,10	8,38	3,23	11,14	18,85	0,42	0,18	0,15	0,07	0,50	0,16	4,18	21,67	22,67
08/06/2025	9,23	14,55	8,32	3,21	11,17	18,85	0,40	0,12	0,02	0,05	0,59	0,11	4,33	21,16	23,31
09/06/2025	9,20	14,85	8,16	3,51	11,19	18,88	0,36	0,06	0,15	0,20	0,63	0,03	4,42	20,49	23,62
10/06/2025	9,32	15,06	7,88	4,05	11,53	18,89	0,33	0,07	0,11	0,11	0,63	0,19	4,54	20,09	23,25
11/06/2025	9,39	14,92	7,67	4,52	11,60	18,81	0,31	0,05	0,06	0,03	0,65	0,08	4,72	20,15	22,42
12/06/2025	9,48	14,30	7,49	4,78	10,56	18,60	0,30	0,08	0,09	0,02	0,66	0,09	4,88	20,56	21,65
13/06/2025	9,54	14,74	7,62	4,95	9,02	18,42	0,30	0,16	0,04	0,18	0,64	0,03	6,80	20,28	21,28
14/06/2025	9,55	15,12	7,82	5,02	11,14	18,43	0,31	0,18	0,17	0,11	0,58	0,10	6,15	20,40	21,12

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp – Bản tin dự báo tháng 6/2025

15/06/2025	9,41	14,11	8,07	5,00	11,05	18,53	0,32	0,02	0,11	0,15	0,51	0,05	5,87	20,05	21,04
16/06/2025	8,24	13,33	8,45	4,47	11,17	18,68	0,36	0,16	0,01	0,18	0,46	0,16	5,78	19,82	21,51
17/06/2025	8,61	14,80	8,74	6,30	11,44	18,88	0,39	0,19	0,06	0,16	0,44	0,03	5,80	20,02	21,88
18/06/2025	8,53	14,74	8,71	6,07	11,81	19,06	0,39	0,03	0,08	0,18	0,41	0,04	5,86	20,18	23,89
19/06/2025	8,52	14,90	8,38	6,13	10,41	19,20	0,38	0,10	0,20	0,19	0,41	0,12	5,94	20,32	23,95
20/06/2025	8,34	15,27	8,01	6,27	10,69	19,33	0,37	0,16	0,05	0,07	0,44	0,10	6,25	20,77	23,12
21/06/2025	7,95	14,36	7,78	6,33	10,93	19,46	0,34	0,05	0,20	0,20	0,48	0,18	7,38	20,44	22,57
22/06/2025	7,71	13,63	7,55	6,32	11,07	19,54	0,31	0,05	0,02	0,15	0,51	0,17	6,24	19,89	22,32
23/06/2025	7,79	14,65	7,05	6,15	11,14	19,66	0,29	0,11	0,19	0,05	0,51	0,07	5,83	18,89	22,40
24/06/2025	8,06	15,08	6,63	6,09	11,12	19,66	0,27	0,10	0,04	0,09	0,51	0,17	4,51	18,65	22,51
25/06/2025	8,29	15,53	6,53	6,25	11,03	19,66	0,25	0,21	0,13	0,17	0,51	0,15	4,16	18,75	22,88
26/06/2025	8,23	14,94	6,78	6,46	10,88	19,51	0,26	0,12	0,17	0,17	0,52	0,16	5,38	19,14	23,26
27/06/2025	7,87	13,64	7,27	6,60	10,69	19,38	0,26	0,08	0,07	0,06	0,52	0,02	6,23	19,52	23,44
28/06/2025	7,43	15,00	7,70	6,61	10,63	19,26	0,26	0,18	0,16	0,01	0,52	0,11	6,24	20,06	23,58
29/06/2025	7,26	15,61	7,93	6,39	10,53	19,29	0,25	0,16	0,05	0,04	0,49	0,15	5,80	20,08	23,36
30/06/2025	7,40	16,07	7,98	5,84	9,71	19,46	0,25	0,17	0,21	0,12	0,46	0,12	5,34	20,35	22,61

2. Kết quả dự báo diễn biến DO (mgO₂/l) trong tháng 6/2025

Ngày	CL1	CL2	CL3	CL4	CL5	CL6	CL7	CL8	CL9	CL10	CL11	CL12	CL13	CL14	CL15
01/06/2025	5,15	6,30	5,30	5,50	5,51	5,73	3,99	5,94	5,60	4,75	4,72	5,57	5,22	5,89	5,64
02/06/2025	5,13	6,30	5,31	5,47	5,54	5,70	4,07	5,93	5,63	4,72	4,65	5,61	5,16	5,89	5,97
03/06/2025	5,07	6,28	5,32	5,42	5,54	5,67	4,16	5,91	5,66	4,67	4,59	5,65	5,53	5,91	5,97
04/06/2025	4,99	6,18	5,34	5,41	5,53	5,63	4,28	5,89	5,69	4,58	4,60	5,67	5,57	5,92	5,97
05/06/2025	4,97	5,95	5,36	5,42	5,49	5,61	4,40	5,87	5,71	4,51	4,65	5,67	5,59	5,93	5,97
06/06/2025	4,95	5,88	5,37	5,51	5,44	5,61	4,47	5,87	5,71	4,41	4,70	5,65	5,53	5,94	5,97
07/06/2025	4,83	5,86	5,38	5,57	5,37	5,62	4,49	5,87	5,71	4,37	4,71	5,62	5,44	5,95	5,97
08/06/2025	4,73	5,89	5,39	5,60	5,40	5,63	4,49	5,88	5,69	4,41	4,69	5,57	5,36	5,96	5,98
09/06/2025	4,72	5,95	5,37	5,59	5,40	5,61	4,45	5,88	5,67	4,49	4,64	5,50	5,31	5,95	5,98
10/06/2025	4,80	5,98	5,34	5,57	5,42	5,64	4,39	5,88	5,64	4,58	4,58	5,40	5,30	5,91	5,99
11/06/2025	4,88	5,98	5,29	5,56	5,47	5,68	4,26	5,88	5,69	4,66	4,51	5,36	5,32	5,89	5,99
12/06/2025	4,93	5,96	5,22	5,55	5,53	5,70	4,05	5,87	5,74	4,72	4,44	5,44	5,34	5,88	5,98
13/06/2025	4,95	5,94	5,16	5,55	5,57	5,68	3,86	5,87	5,99	4,76	4,35	5,50	5,35	5,88	5,98
14/06/2025	4,97	5,93	5,57	5,55	5,59	5,87	3,78	5,87	6,01	4,77	5,09	5,55	5,36	5,87	5,98
15/06/2025	4,97	5,92	5,56	5,54	5,60	5,86	3,70	5,88	5,99	4,76	5,12	5,60	5,36	5,86	5,98

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp – Bản tin dự báo tháng 6/2025

16/06/2025	4,97	5,92	5,57	5,52	5,60	5,86	3,64	5,88	5,98	4,73	5,13	5,63	5,37	5,88	5,98
17/06/2025	4,95	5,92	5,58	5,50	5,59	5,85	3,69	5,87	5,98	4,68	5,11	5,64	5,39	5,90	5,98
18/06/2025	4,90	5,92	5,58	5,48	5,57	5,85	3,84	5,87	5,98	4,60	5,08	5,63	5,39	5,92	5,98
19/06/2025	4,83	5,90	5,53	5,46	5,55	5,86	4,00	5,87	5,98	4,50	5,01	5,32	5,39	5,93	5,98
20/06/2025	4,77	5,86	5,47	5,50	5,57	5,86	4,12	5,87	5,99	4,49	4,93	5,30	5,38	5,94	5,98
21/06/2025	4,83	5,82	5,46	5,63	5,59	5,86	4,21	5,88	5,99	4,51	4,86	5,29	5,39	5,95	5,97
22/06/2025	4,73	5,81	5,49	5,65	5,53	5,85	4,27	5,89	5,97	4,55	4,64	5,24	5,43	5,95	5,98
23/06/2025	4,66	5,83	5,54	5,65	5,46	5,85	4,32	5,88	5,98	4,64	4,54	5,31	5,45	5,74	5,98
24/06/2025	4,72	5,89	5,59	5,64	5,42	5,83	4,33	5,88	6,01	4,76	4,60	5,54	5,44	5,76	5,99
25/06/2025	4,85	5,92	5,62	5,63	5,44	5,82	4,30	5,88	6,00	4,84	4,74	5,65	5,39	5,73	5,98
26/06/2025	4,96	5,91	5,62	5,61	5,45	5,82	4,23	5,87	6,02	4,88	4,91	5,64	5,29	5,73	5,98
27/06/2025	5,02	5,89	5,59	5,59	5,64	5,83	4,11	5,87	5,98	4,87	5,05	5,62	5,21	5,73	5,99
28/06/2025	5,03	5,87	5,66	5,56	5,59	5,84	4,05	5,86	6,00	4,83	5,13	5,60	5,20	5,73	5,99
29/06/2025	5,02	5,85	5,55	5,53	5,55	5,85	4,07	5,87	6,00	4,78	5,16	5,53	5,17	5,72	5,99
30/06/2025	5,00	5,85	5,58	5,49	5,30	5,85	4,11	5,87	5,97	4,72	5,16	5,49	5,13	5,67	5,99

3. Kết quả dự báo diễn biến BOD₅ (mgO₂/l) trong tháng 6/2025

Ngày	CL1	CL2	CL3	CL4	CL5	CL6	CL7	CL8	CL9	CL10	CL11	CL12	CL13	CL14	CL15
01/06/2025	8,48	12,27	11,29	18,58	8,52	15,90	8,17	11,25	13,90	11,68	17,84	7,77	15,41	10,13	10,05
02/06/2025	8,38	12,31	11,68	16,25	8,46	16,12	8,16	11,22	14,06	11,66	17,87	7,75	15,83	10,06	9,99
03/06/2025	8,35	12,31	12,03	18,01	8,40	16,73	8,16	11,21	14,30	11,65	17,73	7,75	16,10	9,91	9,94
04/06/2025	8,34	12,27	12,48	17,99	8,36	17,55	8,15	11,17	14,56	11,63	17,47	7,75	16,28	9,83	9,90
05/06/2025	8,35	12,26	13,04	15,47	8,34	17,53	8,13	11,17	14,55	11,63	17,14	7,76	16,20	9,84	10,27
06/06/2025	8,36	12,21	13,30	17,41	8,39	16,60	8,13	11,25	14,10	11,67	17,14	7,77	15,48	9,88	10,23
07/06/2025	8,40	12,12	13,22	19,12	8,40	15,63	8,15	11,38	14,27	11,74	17,44	7,76	13,85	9,81	10,20
08/06/2025	8,51	12,04	12,85	19,97	8,38	15,02	8,16	11,53	14,90	11,81	17,88	7,77	15,32	9,68	10,21
09/06/2025	8,64	11,67	12,40	21,91	8,34	14,72	8,15	11,64	15,34	11,87	18,33	7,76	15,60	9,60	10,21
10/06/2025	8,68	11,51	12,06	21,45	8,30	14,65	8,13	11,73	15,09	11,91	18,65	7,74	15,58	9,59	10,19
11/06/2025	8,67	11,60	11,86	20,53	8,28	14,70	8,12	11,82	14,33	11,92	18,64	7,73	15,33	9,62	10,10
12/06/2025	8,68	11,66	11,88	19,88	8,30	14,86	8,13	11,89	13,65	11,92	18,64	7,75	15,02	9,68	10,07
13/06/2025	8,68	11,63	12,11	19,06	8,36	15,17	8,14	11,95	13,28	11,93	18,71	7,76	14,75	9,95	10,17
14/06/2025	8,62	11,58	12,53	18,14	8,41	15,55	8,15	11,99	13,15	11,91	18,88	7,78	14,25	10,10	10,25
15/06/2025	8,53	11,53	13,11	17,10	8,45	15,85	8,12	12,02	13,17	11,91	19,05	7,77	13,95	9,95	10,23

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp – Bản tin dự báo tháng 6/2025

16/06/2025	8,44	11,51	13,92	16,07	8,47	16,01	8,10	12,03	13,32	11,93	18,92	7,74	14,11	9,85	10,16
17/06/2025	8,36	11,50	14,72	15,27	8,50	16,04	8,09	12,04	13,55	11,96	17,94	7,73	14,15	9,87	10,08
18/06/2025	8,31	11,49	15,38	15,12	8,53	16,04	8,04	12,07	13,69	11,99	15,77	7,73	14,03	9,95	10,04
19/06/2025	8,26	11,49	16,16	14,84	8,52	16,38	7,99	12,14	13,67	12,02	16,12	7,72	13,91	9,97	10,05
20/06/2025	8,23	11,48	16,83	16,46	8,54	17,17	7,94	12,24	13,76	12,09	16,15	7,72	14,07	9,90	10,11
21/06/2025	8,19	11,47	17,12	16,33	8,64	17,91	7,94	12,39	14,19	12,21	16,15	7,71	14,55	9,79	10,17
22/06/2025	8,17	11,45	16,57	14,02	8,81	18,06	8,00	12,57	15,09	12,36	16,25	7,71	15,36	9,68	10,17
23/06/2025	8,19	11,43	15,29	15,53	8,91	17,54	8,06	12,71	16,13	12,49	16,39	7,72	15,69	9,64	10,11
24/06/2025	8,25	11,45	13,81	17,11	8,77	16,66	8,08	12,78	16,61	12,55	16,49	7,74	15,25	9,69	10,01
25/06/2025	8,32	11,50	12,54	18,66	8,54	16,09	8,09	12,82	16,31	12,51	16,74	7,77	14,53	9,81	9,96
26/06/2025	8,39	11,56	11,76	18,45	8,41	15,64	8,10	12,83	15,43	12,41	15,56	7,81	13,99	9,94	10,01
27/06/2025	8,44	11,62	11,55	19,18	8,41	15,30	8,14	12,80	14,34	12,32	16,33	7,82	14,59	9,82	10,17
28/06/2025	8,38	11,65	11,74	20,02	8,52	15,13	8,17	12,74	13,37	12,27	16,82	8,94	15,32	9,59	10,36
29/06/2025	8,27	11,67	12,10	21,17	8,63	15,17	8,18	12,64	12,71	12,26	17,01	8,86	15,84	9,52	10,52
30/06/2025	8,22	11,67	12,78	17,13	8,70	15,30	8,19	12,53	12,30	12,26	16,14	8,83	15,87	10,06	10,59

4. Kết quả dự báo diễn biến T-N (mg/l) trong tháng 6/2025

Ngày	CL1	CL2	CL3	CL4	CL5	CL6	CL7	CL8	CL9	CL10	CL11	CL12	CL13	CL14	CL15
01/06/2025	0,86	1,42	2,57	4,65	4,18	2,75	1,70	2,39	4,54	2,29	4,74	2,49	3,79	2,27	1,76
02/06/2025	0,85	1,40	2,56	4,67	4,46	2,66	1,70	2,47	4,25	2,29	5,38	2,46	3,84	2,34	1,72
03/06/2025	0,84	1,36	3,04	4,81	4,53	2,58	1,71	2,56	4,04	2,31	5,67	2,42	3,79	2,40	1,67
04/06/2025	0,84	1,30	2,66	5,04	4,43	2,50	1,74	2,62	3,88	2,34	5,26	2,38	3,67	2,44	1,62
05/06/2025	0,84	1,23	2,28	5,24	4,36	2,42	1,75	2,49	3,73	2,42	4,65	2,37	3,52	2,42	1,57
06/06/2025	0,84	1,18	2,06	5,17	4,35	2,39	1,76	2,35	3,62	2,56	4,51	2,38	3,49	2,33	1,55
07/06/2025	0,85	1,16	2,00	5,14	4,29	2,37	1,79	2,34	3,51	2,67	4,67	2,41	3,59	2,23	1,56
08/06/2025	0,85	1,17	2,06	5,20	4,17	2,33	1,90	2,40	3,41	2,70	4,61	2,44	3,62	2,19	1,60
09/06/2025	0,86	1,19	2,18	5,12	4,07	2,30	2,10	2,39	3,31	2,73	4,47	2,47	3,46	2,24	1,59
10/06/2025	0,87	1,21	2,34	4,95	3,98	2,29	2,26	2,34	3,20	2,73	4,42	2,48	3,19	2,32	1,58
11/06/2025	0,88	1,21	2,25	4,77	3,84	2,29	2,31	2,32	3,13	2,63	4,42	2,39	4,14	2,36	1,54
12/06/2025	0,88	1,18	2,80	4,60	3,41	2,31	2,32	2,33	3,15	2,40	4,42	2,36	3,97	2,37	1,51
13/06/2025	0,87	1,14	2,48	4,46	3,18	2,34	2,37	2,39	3,30	2,21	4,44	2,64	3,51	2,39	1,47
14/06/2025	0,86	1,10	2,18	4,40	3,34	2,42	2,50	2,49	3,62	2,09	4,58	2,81	2,97	2,43	1,42
15/06/2025	0,84	1,07	2,06	4,47	3,45	2,56	2,66	2,62	4,00	2,00	4,51	2,86	2,46	2,50	1,34

16/06/2025	1,09	1,09	1,90	4,54	3,48	2,67	2,82	2,74	4,16	1,95	4,97	2,78	2,02	2,59	1,27
17/06/2025	1,10	1,08	0,97	4,78	3,40	2,70	2,93	2,82	4,14	1,94	5,67	2,58	3,70	2,66	1,22
18/06/2025	1,10	1,03	0,98	5,09	3,29	2,73	2,98	2,87	4,03	1,95	5,30	2,34	3,64	2,71	1,19
19/06/2025	1,09	0,98	0,94	5,19	3,26	2,73	2,99	2,88	3,92	1,98	4,73	2,12	3,61	2,72	1,17
20/06/2025	1,10	0,94	0,99	5,12	3,29	2,63	3,00	2,77	3,81	2,03	4,42	1,97	3,62	2,64	1,14
21/06/2025	1,11	0,92	0,99	5,12	3,33	2,40	3,05	2,47	3,70	2,06	4,47	1,86	3,69	2,53	1,13
22/06/2025	1,07	0,93	1,00	5,21	3,39	2,21	3,08	2,52	3,61	2,00	4,52	1,81	3,86	2,44	1,13
23/06/2025	1,00	0,96	1,03	5,03	3,44	2,09	3,12	2,61	3,54	1,84	4,41	1,78	4,05	2,41	1,16
24/06/2025	0,94	0,97	0,60	4,79	3,41	2,00	3,19	2,61	3,53	1,74	4,30	1,73	4,08	2,49	1,18
25/06/2025	0,91	0,95	1,09	4,60	2,98	1,95	3,20	2,52	3,58	1,67	4,23	1,68	4,15	2,57	1,18
26/06/2025	0,86	0,91	1,09	4,45	3,06	1,94	3,14	2,40	3,72	1,63	4,22	1,72	4,36	2,58	1,15
27/06/2025	0,81	0,88	1,13	4,33	3,17	1,95	3,04	2,31	3,92	1,60	4,58	1,77	4,41	2,52	1,11
28/06/2025	0,76	0,88	1,18	4,23	3,31	1,98	2,92	2,25	4,10	1,57	4,24	1,81	4,30	2,43	1,08
29/06/2025	0,73	0,88	2,09	4,21	3,55	2,03	2,79	2,18	4,14	1,54	4,82	1,79	4,47	2,34	1,06
30/06/2025	0,71	0,89	2,29	4,29	3,67	2,06	2,66	2,11	4,06	1,48	4,70	1,73	4,52	2,23	1,05

PHỤ LỤC

Bảng vị trí các vị trí quan trắc cố định HTLL CLCB năm 2025

TT	Vị trí điểm đo	Tọa độ	Nhiệm vụ
1	CL1 Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Già, thuộc xã Tân Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.	105°02'59.52"E 9°53'25.15"N	Đánh giá chất lượng nước vùng chuyên tôm tại xã Tân Yên dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
2	CL2 Điểm lấy mẫu trên kênh Thứ 6 (tại vị trí cầu Nam Thái), thuộc xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.	105°00'11.72"E 9°49'02.02"N	Đánh giá chất lượng nước vùng chuyên tôm tại xã Nam Thái dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
3	CL3 Điểm lấy mẫu trên kênh Số 1, thuộc xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	105°04'20.70"E 9°44'10.88"N	Đánh giá chất lượng nước vùng chuyên tôm tại xã Đông Thái dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
4	CL4 Điểm lấy mẫu trên kênh Ngang (kênh Sáu Sanh), thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.	105°11'27.27"E 9°40'09.04"N	Đánh giá chất lượng nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi thủy sản tại xã Vĩnh Hòa dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
5	CL5 Điểm lấy mẫu trên kênh Làng Thứ 7 (kênh Lộ Se), thuộc xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.	105°10'12.83"E 9°32'11.61"N	Đánh giá chất lượng nước cấp cho sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản tại xã Vĩnh Bình Nam dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
6	CL6 Điểm lấy mẫu trên kênh 8000 giao với Lộ Kênh 2, thuộc xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.	105°15'43.77"E 9°36'01.87"N	Đánh giá chất lượng nước trên sông Cái Lớn, thuộc xã Thạnh Yên A dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
7	CL7 Điểm lấy mẫu trên kênh KH5, thuộc xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.	105°15'03.74"E 9°45'26.37"N	Đánh giá chất lượng nước cho vùng sản xuất nông nghiệp kết hợp nuôi thủy sản xã Định Hòa dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
8	CL8 Điểm lấy mẫu tại nơi giao nhau giữa sông Cái Bé với kênh Ô Môn (sông Ba Hò), thuộc xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò	105°22'34.32"E 9°47'33.71"N	Chất lượng nước phục vụ cho cấp nước sản xuất nông nghiệp vùng chuyên lúa xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc (cách điểm lấy mẫu về phía Tây Nam 100 m là chợ

	Quao, tỉnh Kiên Giang.		Vĩnh Hòa Hưng Bắc và chợ Ba Hồ 200 m).
9	CL9 Điểm lấy mẫu trên kênh Chung Bàu, thuộc xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.	105°14'18.10"E 9°55'08.62"N	Chất lượng nước phục vụ cho cấp nước sản xuất nông nghiệp vùng chuyên lúa (gần chợ Bàn Tân Định cách điểm lấy mẫu 100 m về hướng Tây).
10	CL10 Điểm lấy mẫu trên kênh xáng Giồng Riềng, thuộc xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, Kiên Giang.	105°10'43.58"E 9°56'35.12"N	Chất lượng nước cho sản xuất nông nghiệp xã Giục Tượng.
11	CL11 Điểm lấy mẫu trên sông Cái Bé (tại bến phà Tắc Cậu), thuộc xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.	105°07'29.10"E 9°52'19.72"N	Đánh giá chất lượng nước trên sông Cái Bé (vị trí lấy mẫu phà Tắc Cậu) dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
12	CL12 Điểm lấy mẫu trên sông Nước Đục (tại bến phà Hỏa Tiến), thuộc Xã Hỏa Tiến, Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	105°20'19.10"E 9°41'02.50"N	Chất lượng nước cho sản xuất nông nghiệp xã Hỏa Tiến dưới tác động của dòng chảy sông Cái Lớn.
13	CL13 Điểm lấy mẫu trên sông Cái Lớn giao với kênh Năm Ngàn, thuộc xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	105°08'44.00"E 9°49'11.20"N	Đánh giá chất lượng nước trên sông Cái Lớn dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
14	CL14 Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Nhàu giao với kênh Chổng Mỹ, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	104°54'04.39"E 9°43'31.20"N	Đánh giá chất lượng nước vùng thủy sản tại xã Tân Thạnh dưới tác động của dòng chảy biển Tây và nội đồng.
15	CL15 Điểm lấy mẫu trên kênh Cùng giao với kênh KT1, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	105°00'10.37"E 9°33'30.95"N	Đánh giá chất lượng nước tại đoạn kênh thuộc xã Đông Hưng B dưới tác động của hệ thống kênh nội đồng.